Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9027.89.90

Mã HS	9027.89.90
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ và thiết bị phân tích lý hoặc hóa học (ví dụ, máy đo phân cực, đo khúc xạ, quang phổ kế, máy phân tích khí hoặc khói); dụng cụ và thiết bị đo hoặc kiểm tra độ nhớt, độ xốp, độ giãn nở, sức căng bề mặt hoặc các loại tương tự; dụng cụ và thiết bị đo hoặc kiểm tra nhiệt lượng, âm lượng hoặc ánh sáng (kể cả máy đo độ phơi sáng); thiết bị vi phẫu / - Dụng cụ và thiết bị khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	02/11/2026 06:00:13
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90278990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18178
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18178
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18178
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17501
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17430
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17430
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17430
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17430
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17430
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17430
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17486
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17486
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17486
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17486

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17486
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17486
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17487
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17487
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17487
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17487
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17487
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17487
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17492
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17448
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17444
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17444
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17444
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17444
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17444
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17444
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17490
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17490
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17490
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17490
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17490
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17490
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17552
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17552
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17552
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17552

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17552
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17552
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17528
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17528
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17528
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17528
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17528
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17528
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D1056
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E1056
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17523
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17523
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17523
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17523
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17523
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17523
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17553
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17553
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17553
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17553
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17553
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17553
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17552
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17552
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17552
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17552

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17552
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17552
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17646
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17646
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17646
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17646
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17646
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17646
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17646
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17515
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17515
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17515
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17515
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17515
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17515
RCEP B	2022	2022	0	B!D17515
RCEP B	2023	2023	0	B!E17515
RCEP B	2024	2024	0	B!F17515
RCEP B	2025	2025	0	B!G17515
RCEP B	2026	2026	0	B!H17515
RCEP B	2027	2027	0	B!I17515
RCEP C	2022	2022	0	C!D17513
RCEP C	2023	2023	0	C!E17513
RCEP C	2024	2024	0	C!F17513
RCEP C	2025	2025	0	C!G17513
RCEP C	2026	2026	0	C!H17513

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17513
RCEP D	2022	2022	0	D!D17512
RCEP D	2023	2023	0	D!E17512
RCEP D	2024	2024	0	D!F17512
RCEP D	2025	2025	0	D!G17512
RCEP D	2026	2026	0	D!H17512
RCEP D	2027	2027	0	D!I17512
RCEP E	2022	2022	0	E!D17516
RCEP E	2023	2023	0	E!E17516
RCEP E	2024	2024	0	E!F17516
RCEP E	2025	2025	0	E!G17516
RCEP E	2026	2026	0	E!H17516
RCEP E	2027	2027	0	E!I17516
RCEP F	2022	2022	0	F!D17515
RCEP F	2023	2023	0	F!E17515
RCEP F	2024	2024	0	F!F17515
RCEP F	2025	2025	0	F!G17515
RCEP F	2026	2026	0	F!H17515
RCEP F	2027	2027	0	F!I17515
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16420
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16420
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16420
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16420

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL1)		29/2025/TT-BKHCN-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9027.89 có 2 dòng thuế; dòng 9027.89.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9027.89.10 Lộ sáng kế	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9027.89.90 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9027.89.90	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9027.89.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9027.89.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18178), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.